

Dung dịch thuốc nước (aqueous solution)

- Dung môi
 - nước
 - nước - cồn
 - nước - propylen glycol
 - nước - PEG400
- Đường dùng
 - súc miệng
 - nhỏ tai, mũi, mắt
 - ...

Dung dịch cồn (alcohol solution)

- Dung môi: Ethanol, Ethanol - nước
 - dùng uống: 20-40*
 - dùng ngoài: 70-90*
- Tính sát trùng với nồng độ $\geq 25^*$
- Dễ bay hơi, dễ cháy, dễ bị OXH

Dung dịch dầu (oily solution)

- Dung môi: Dầu
 - Dầu thực vật (lạc trung tính, vừng, tournesol)
 - Dầu động vật (gan cá thu)
 - Dầu khoáng (dầu parafin - trong dầu gió TTTS)
- Đường dùng
 - dùng trong: *testosteron, progesteron* (IM, **cầm IV**)
 - dùng ngoài: *dầu khuyh diệp* nhỏ mũi

Dạng đặc biệt

- Thuốc nước chanh (ngọt, thơm)
 - dược chất
 - acid hữu cơ (citric, tartaric)
 - muối vô cơ (MgCitrat, NaTartrat, KBitartrat)
 - (sometimes) CO₂
- Poxio (potio)
(dạng này tìm trên mạng chả thấy thông tin)
 - lỏng
 - pha chế theo đơn
(không để quá 2 ngày vì dễ nấm mốc)
(không đủ ngọt để kéo nước từ VSV)
 - ~ 20% siro đơn
- Hòa tan được các chất hữu cơ
 - nhựa
 - tinh dầu
 - alcaloid base
 - ...
- (some) Pha cồn bền hơn pha nước: long não, bạc hà

Dung dịch glycerin

- Đường dùng: dùng ngoài
- Dược chất thường gặp: acid boric, borax, iod, tanin, ...

Syro (Syrup)

- đường 56 - 65%

Siro khô: bột cốm, khi nào dùng thì hòa vào nước

--> dd tạo ra có hàm lượng đường nhiều như siro

Điều chế

- hòa (dd) dược chất vào đường
- or. hòa đường vào dd dược chất

Ưu điểm

- siêu nhiều đường --> bảo quản được dược chất
(vì tạo dd ưu trương so với môi trường cơ thể vk --> kéo nước từ vk)
- ngon

Nhược điểm

- đặc --> chậm hấp thu ==> hòa nước ấm uống
- để lạnh --> đường bị kết tinh